

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai bổ sung dự toán thu, chi ngân sách năm 2025

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số: 869/QĐ-UBND ngày 13/11/2025 của UBND phường Mường Lay về việc điều chỉnh dự toán ngân sách năm 2025 cho các đơn vị dự toán thuộc phường Mường Lay,

Xét đề nghị của bộ phận kế toán trường PTDTBT TH&THCS Sá Tổng;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai bổ sung dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 của trường PTDTBT TH&THCS Sá Tổng (chi tiết theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận kế toán trường PTDTBT TH&THCS Sá Tổng, các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Website TH&THCSST,
- Phòng VHXX,
- Lưu KT, VT.



HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Đình Lăng

Đơn vị: Trường PTDTBT TH&THCS Sá Tổng
Chương: 822

Biểu số 2 - Ban hành kèm
theo Thông tư số 90/2018/TT-
BTC ngày 28 tháng 9 năm
2018 của Bộ Tài chính

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 53a/QĐ-TH&THCSST ngày 18/11/2025 của trường PTDTBT
TH&THCS Sá Tổng)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
1.2	Phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp	
2.2	Chi quản lý hành chính	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
3.2	Phí	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	37.000.000
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	37.000.0000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0
	Cấp Tiểu học	0
	Cấp THCS	0
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	37.000.000
	Cấp Tiểu học	29.000.000
	Cấp THCS	8.000.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
11	Chi Chương trình mục tiêu	